TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
Phòng Đào tạo Đại học

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảng ghi điểm học phần

Học kỳ 1 - Năm học 2015-2016

Tên học phần: Địa hoá | Mã học phần/Mã nhóm: 4040310 nhóm 02 | Số tín chỉ: 2

Tên CBGD: Nguyễn Khắc Giảng | Mã CBGD: 0403-06

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
1	1321020411	Nguyễn Hoàng Anh	18/03/95	DCDCDC_58B	1			7	7	6		6	3.3	
2	1321020423	Trần Ngọc ánh	01/06/95	DCDCDC_58B	8			8	8	9		9	8.1	
3	1321020430	Nguyễn Khương Bình	07/06/93	DCDCDC_58B	0			8	8	5		5	2.9	
4	1321020027	Phan Thị Chinh	01/04/95	DCDCDC_58B	7			7	7	9		9	7.2	
5	1321020439	Nguyễn Hoàng Chính	18/01/95	DCDCDC_58B	2			8	8	7		7	4.3	
6	1311020007	Nông Văn Chung	12/05/95	CCDCDC58	2			8	8	6		6	4.2	
7	1321020030	Trần Văn Chương	18/11/95	DCDCDC_58B	2			8	8	7		7	4.3	
8	1321020445	Đỗ Mạnh Cường	01/05/95	DCDCDC_58A	4			8	8	8		8	5.6	
9	1321020456	Đỗ Mạnh Dũng	17/10/95	DCDCCT58B	3			7	7	8		8	4.7	
10	1221060027	Lý Văn Dương	07/06/94	DCDCDC57A										Cấm thi vì nợ học phí
11	1321020474	Đinh Quốc Đạt	04/04/95	DCDCDC_58B	8			8	8	9		9	8.1	
12	1311020014	Phạm Xuân Đăng	07/12/95	CCDCDC58	6			8	8	5		5	6.5	
13	1321020069	Ngô Hải Đoàn	12/10/95	DCDCDC_58B	7			8	8	8		8	7.4	
14	1321020494	Nguyễn Văn Đồng	07/06/94	DCDCDC_58B	3			7	7	5		5	4.4	
15	1021020069	Bùi Trung Đức	24/08/92	DCDCDC_55B					0			0	0.0	
16	0921020212	Ngô Minh Đức	31/08/91	DCDCCT54A	3			7	7	3		3	4.2	
17	1321020511	Nguyễn Thị Thu Hà	25/04/95	DCDCDC_58A	6			9	9	8		8	7.1	
18	1321020523	Nguyễn Đình Hạnh	08/10/95	DCDCDC_58B	6			8	8	8		8	6.8	
19	1321020524	Trần Thị Hạnh	10/04/94	DCDCDC_58A	7			9	9	9		9	7.8	
20	1321020526	Nguyễn Thị Hảo	05/01/95	DCDCDC_58B	8			8	8	9		9	8.1	
21	1321020090	Nguyễn Thị Hằng	17/01/95	DCDCDC_58B	6			8	8	8		8	6.8	
22	1321020098	Cảnh Chí Hiếu	23/06/95	DCDCDC_58B	5			7	7	8		8	5.9	
23	1321020102	Nguyễn Thị Hoa	30/10/95	DCDCDC_58B	7			8	8	9		9	7.5	
24	1421020369	Nguyễn Văn Hoàng	30/05/96	DCDCCT59B	R									
25	1321020555	Lê Văn Hùng	23/07/95	DCDCDC_58B	4			7	7	8		8	5.3	
26	1321020124	Vi Văn Hưởng	16/02/95	DCDCDC_58B	4			7	7	8		8	5.3	
27	1321020590	Trần Quang Khánh	26/03/95	DCDCDC_58B	3			7	7	7		7	4.6	
28	1311020036	Hà Giang Long	02/04/94	CCDCDC58	8			8	8	9		9	8.1	
29	1321020145	Lê Thị Ngọc Mai	21/10/95	DCDCDC_58B	6			8	8	8		8	6.8	
30	1321020621	Nguyễn Thị Mai	20/10/95	DCDCDC_58B	6			8	8	8		8	6.8	

Hà Nội, ngày.....tháng.12.năm...2015

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thanh

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Khắc Giảng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
Phòng Đào tạo Đại học

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảng ghi điểm học phần

Học kỳ 1 - Năm học 2015-2016

Tên học phần: Địa hoá | Mã học phần/Mã nhóm: 4040310 nhóm 02 | Số tín chỉ: 2

Tên CBGD: Nguyễn Khắc Giảng | Mã CBGD: 0403-06

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
31	1321020634	Nguyễn Duy Anh Minh	19/05/95	DCDCDC_58A	6			7	7	8		8	6.5	
32	1321020148	Nguyễn Hữu Minh	14/07/95	DCDCCT58A	5			7	7	8		8	5.9	
33	1321020152	Lâm Văn Mừng	27/08/95	DCDCDC_58B	4			7	7	8		8	5.3	
34	1321020153	Đinh Phương Nam	20/08/94	DCDCDC_58B										Cấm thi vì nợ học phí
35	1321020654	Phan Văn Ngọc	10/08/94	DCDCDC_58A	6			7	7	7		7	6.4	
36	1321020658	Trần Bá Nhật	26/02/95	DCDCDC_58B	6			7	7	8		8	6.5	
37	1321020160	Đặng Thị Huyền Nương	03/08/95	DCDCTV58A	4			8	8	7		7	5.5	
38	1321020163	Nguyễn Mạnh Phúc	24/08/95	DCDCDC_58B	8			8	8	9		9	8.1	
39	1321020167	Phạm Thị Thúy Phương	08/08/95	DCDCDC_58B	7			8	8	9		9	7.5	
40	1221020422	Bùi Bích Phượng	10/07/94	DCDCNK57	7			8	8	8		8	7.4	
41	1321020678	Nguyễn ích Quang	07/02/95	DCDCDC_58B	5			8	8	8		8	6.2	
42	1321020685	Nguyễn Trọng Quân	28/04/95	DCDCDC_58B	3			7	7	7		7	4.6	
43	1321020176	Lưu Xuân Quý	12/09/93	DCDCDC_58B	6			8	8	7		7	6.7	
44	1321020693	Nguyễn Huệ Quỳnh	04/04/95	DCDCDC_58B	4			7	7	8		8	5.3	
45	1321020179	Lê Thị Sinh	24/06/95	DCDCDC_58A	9			9	9	9		9	9.0	
46	1321020695	Bùi Hoàng Sơn	13/05/95	DCDCDC_58B	5			8	8	5		5	5.9	
47	1321020708	Nguyễn Văn Tập	29/04/95	DCDCTV58A	6			9	9	7		7	7.0	
48	1311020070	Nguyễn Văn Thành	04/01/95	CCDCDC58	6			7	7	9		9	6.6	
49	1321020197	Đặng Đình Thao	09/09/93	DCDCDC_58B	6			7	7	8		8	6.5	
50	1321020200	Hoàng Phương Thảo	24/10/95	DCDCDC_58A	7			9	9	9		9	7.8	
51	1311020073	Đỗ Hữu Thiện	14/02/95	CCDCDC58	5			7	7	5		5	5.6	
52	1311020075	Nguyễn Văn Thịnh	18/03/95	CCDCDC58	4			7	7	8		8	5.3	
53	1321020205	Nguyễn Thị Thoa	31/05/94	DCDCDC_58B	7			8	8	9		9	7.5	
54	1321020758	Trần Minh Toàn	19/05/95	DCDCDC_58B	7			7	7	9		9	7.2	
55	1321020759	Trần Văn Toàn	10/02/95	DCDCDC_58B	7			8	8	9		9	7.5	
56	1321020762	Trần Thị Thu Trang	16/09/95	DCDCDC_58B	9			8	8	9		9	8.7	
57	1321020263	Phùng Tài Trần	10/09/94	DCDCDC_58B	6			8	8	8		8	6.8	
58	1311020091	Lê Ngọc Tuấn	04/07/95	CCDCDC58	1			7	7	5		5	3.2	
59	1321020787	Nguyễn Đăng Tuấn	02/06/95	DCDCDC_58B	8			8	8	8		8	8.0	
60	1321020244	Nguyễn Duy Tùng	20/06/93	DCDCDC_58B	4			7	7	8		8	5.3	

Hà Nội, ngày.....tháng.12.năm..2015

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thanh

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Khắc Giảng

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỎ ĐỊA CHẤT
Phòng Đào tạo Đại học

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bảng ghi điểm học phần

Học kỳ 1 - Năm học 2015-2016

Tên học phần: Địa hoá | Mã học phần/Mã nhóm: 4040310 nhóm 02 | Số tín chỉ: 2

Tên CBGD: Nguyễn Khắc Giảng | Mã CBGD: 0403-06

STT	Mã SV	Họ tên sinh viên	Ngày sinh	Lớp	A	B1	B2	B3	B	C1	C2	C	ĐGHP	Ghi chú
61	1321020245	Nguyễn Đức Tùng	17/08/95	DCDCDC_58B	8			7	7	9		9	7.8	
62	1321020256	Cao Văn Vương	14/03/95	DCDCDC_58B	7			7	7	9		9	7.2	
63	1321020817	Bùi Thị Hà Xuyên	12/01/95	DCDCDC_58B	4			7	7	7		7	5.2	

Hà Nội, ngày.....tháng 12 năm...2015

Cán bộ chấm thi 2
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thị Thanh

Cán bộ chấm thi 1
(Ký và ghi rõ họ tên)

Nguyễn Thái Giang